

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022
CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP KON PLÔNG

(Kèm theo Quyết định số 474 /QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022 được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
I	Các chỉ tiêu về sản phẩm chủ yếu					
1	Nuôi dưỡng rừng trồng	m3			1,225.50	Bổ sung
II	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích					
1	Diện tích rừng giao tổ chức quản lý bảo vệ, tự bảo vệ	Ha	49,131.33	46,951.49	46,951.49	
	<i>Trong đó:</i>					
-	<i>Diện tích hưởng DVMTR</i>	Ha	46,269.59	44,194.19	44,194.19	
-	<i>Diện tích rừng tự nhiên là rừng sản xuất tạm dừng khai thác</i>	Ha	2,861.74	2,757.30	2,757.30	
III	Các chỉ tiêu về tài chính					
1	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	112,538.26	125,397.40	125,397.40	
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	32,254.35	31,853.30	48,011.70	
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	430.49	1,551.60	1,358.00	
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	344.00	1,338.50	1,086.00	
5	Nộp ngân sách	Triệu đồng	117.10	2,059.00	369.10	
IV	Tổng lao động	Người	98.00	85.00	120.00	(*)
V	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	8,440.95		11,173.00	

Phụ lục số 02

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022
CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP KON PLÔNG**

(Kèm theo Quyết định số 474 /QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung/danh mục đầu tư	Đơn vị tính	Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt					Kế hoạch năm 2022					Ghi chú
			Quy mô/khối lượng	Tổng mức đầu tư (cả giai đoạn)	Nguồn vốn đầu tư		Kế hoạch năm 2022	Quy mô/khối lượng	Tổng số	Nguồn vốn đầu tư			
					NSNN hỗ trợ	Vốn khác của doanh nghiệp				NSNN hỗ trợ	Vốn khác của doanh nghiệp	Vốn liên doanh và huy động khác	
I	DỰ ÁN XÂY DỰNG CƠ BẢN			4,782.00		4,782.00	1,791.00		3,700.00		3,200.00	500.00	
1	Sửa chữa CNLT, trạm QLBR và xây mới trạm QLBR	Cái	5	4,782.00		4,782.00	1,791.00	4	3,200.00		3,200.00		Xây dựng mới các chốt trạm
2	Xây nhà nuôi cấy mô nhân giống dược liệu	m2						100	500.00			500.00	Bổ sung
II	DỰ ÁN MUA SẮM MÁY MÓC, THIẾT BỊ			650.00		650.00	100.00		350.00		350.00		
1	Mua sắm trang thiết bị, máy móc phục vụ công tác QLBR			650.00		650.00	100.00		350.00		350.00		
III	Dự án lâm sinh			1,250.00		1,250.00	250.00		4,100.27		2,443.15	1,657.12	
1	Trồng và chăm sóc rừng trồng								2,371.27		2,014.15	357.12	Bổ sung
-	Trồng rừng sản xuất	ha						50	1,694.26		1,694.26		
-	chăm sóc rừng trồng năm thứ 2	ha						51	677.01		319.89	357.12	
	+ chăm sóc thông rừng trồng	ha						24	319.89		319.89		
	+ Chăm sóc keo trồng	ha						28	357.12			357.12	
2	Khoanh nuôi	ha	500	1,250.00		1,250.00	250.00	493	64.00		64.00		
3	Trồng cây ăn quả	ha						20	500.00			500.00	Bổ sung
4	Đầu tư du lịch sinh thái	điểm						2	500.00			500.00	Bổ sung

TT	Nội dung/danh mục đầu tư	Đơn vị tính	Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt					Kế hoạch năm 2022					Ghi chú
			Quy mô/khối lượng	Tổng mức đầu tư (cả giai đoạn)	Nguồn vốn đầu tư		Kế hoạch năm 2022	Quy mô/khối lượng	Tổng số	Nguồn vốn đầu tư			
					NSNN hỗ trợ	Vốn khác của doanh nghiệp				NSNN hỗ trợ	Vốn khác của doanh nghiệp	Vốn liên doanh và huy động khác	
5	Đầu tư vườn ươm cây giống	ha						1	350.00		350.00		Bổ sung
6	Bảo tồn và phát triển dược liệu	m2						100	200.00			200.00	Bổ sung
7	Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	ha						0	100.00			100.00	Bổ sung
8	Trồng cây phân tán theo Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND tỉnh KonTum	Cây						5,000	15.00		15.00		Bổ sung
	Tổng cộng			6,682.00		6,682.00	2,141.00		8,150.27		5,993.15	2,157.12	

Ghi chú:

- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông triển khai thực hiện các dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản khi đảm bảo kế hoạch vốn và thủ tục đầu tư theo quy định
- Thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2022 của Công ty đảm bảo bảo toàn và phát triển nguồn vốn hiện có, không để thất thoát vốn Nhà nước như cam kết của Công ty tại Báo cáo số 51/BC-Cty ngày 06 tháng 5 năm 2022.